

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 18-3-2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Đặng Thùy .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Trui - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn T; sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Minh L; sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, ông Võ Văn T trình bày:*

Từ năm 2018 đến năm 2020, ông Lê Minh L có vay của ông T nhiều lần với tổng số tiền 158.960.000 đồng. Thỏa thuận lãi 2.000đồng/01ngày/ 1.000.000 đồng nhưng ông L chỉ trả lãi được vài ngày thì ngưng cho đến nay. Nhiều lần ông L đến vay tiền do không có tiền nên ông T đã vay của bà Tăng Thị N số tiền khoảng 50.000.000 đồng giùm ông L. Bà N bị bệnh và mất năm 2024, ông T đã trả đủ tiền cho bà N 50.000.000 đồng. Nay ông T chỉ yêu cầu ông L thanh toán cho ông tổng số tiền 158.960.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhận được bản tường trình của ông Võ Văn T với nội dung:

Nguyên trước đây ông T yêu cầu ông Lê Minh L thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 158.960.000 đồng, do bị nhầm lẫn nên số tiền ông T kiện cao hơn số tiền thực tế, nay ông T xác định như sau:

Ngày 22/7/2018 âm lịch, ông L vay của ông 29.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Ngày 22/8/2019 âm lịch, ông L vay của ông 40.000.000 đồng, lãi suất cũng thỏa thuận như trên.

Ngày 27/8/2019 âm lịch, ông L vay của ông T 30.000.000 đồng, nhưng ông không có tiền nên có nói ông L viết giấy nhận vay của bà P (N), khi bà P bị bệnh thì ông T đã trả lại cho bà P số tiền này. Tổng số tiền ông L nợ ông T là 99.000.000 đồng. Từ khi vay, ông L chỉ đóng lãi cho ông T được vài tháng sau đó thì ngưng cho đến nay, ông T không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền lãi mà ông L đã trả cho ông. Còn các khoản tiền khác là giao dịch giữa bà Tăng Thị N với ông Lê Minh L, ông T không có tham gia. Nay ông T chỉ buộc ông Lê Minh L thanh toán cho ông số tiền 99.000.000 đồng.

** Đối với ông Lê Minh L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông Võ Văn T khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông L vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn trình bày: Ông T chỉ buộc ông Lê Minh L thanh toán cho ông số tiền 69.000.000 đồng theo hai biên nhận ngày 22/7/2018 âm lịch, ngày 22/8/2019 âm lịch. Đối với các khoản tiền khác thì ông T không yêu cầu xem xét.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, buộc ông Lê Minh L thanh toán cho ông T 69.000.000 đồng. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Văn T khởi kiện ông Lê Minh L, buộc thanh toán tiền vay còn nợ nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Lê Minh L cư trú tại ấp R, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn ông Lê Minh L. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Minh L.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Minh L trả số tiền 158.960.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc thanh toán số tiền 69.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử xem xét vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Từ năm 2018 đến năm 2019, ông Lê Minh L có vay của ông T nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thanh toán nợ nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn

Ông T cho rằng ông L vay của ông nhiều lần, cụ thể: Ngày 22/7/2018 âm lịch, vay số tiền 29.000.000 đồng; ngày 22/8/2019 âm lịch, vay 40.000.000 đồng lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, khi vay có làm biên nhận nợ giao cho ông T giữ. Tổng số tiền ông L nợ ông T là 69.000.000 đồng. Qua làm việc người làm chứng đã xác nhận việc vay nợ của ông L với ông T là đúng sự thật. Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc vay tài sản giữa ông Võ Văn T và ông Lê Minh L là thực tế, có xảy ra và mặc nhiên được ông L thừa nhận.

Về trách nhiệm thanh toán nợ: Xét thấy, văn bản có nội dung: “*Tôi có nhận tiền anh Tám B số tiền là 29.000.000. (hai mươi chín triệu chẵn) vào ngày 22/7/2018*” và Giấy nợ “*Tôi Lê Minh L có mượn anh Võ Văn T số tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu chẵn. ngày 22/08/2019 âm lịch*” đều do ông Lê Minh L ký tên nhận nợ, ông lập không có chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán nợ nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, buộc ông Lê Minh L thanh toán cho ông T số tiền vay vốn còn nợ là 69.000.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày ông Võ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Lê

Minh L chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Đối với giấy nợ thể hiện “*Tôi Lê Minh L sinh năm 1957 có mượn của chế P số tiền 20.000.000 triệu. Hai mươi triệu*

10.000.000 ngày 27/8/2019

10.000.000 ngày 17/9/2019.....

Tôi có nhận số tiền là 18.980.000 mười tám triệu chín trăm tám chục. Nàng kéo 06/10/2019” và biên nhận ngày 15/4/2020 vay số tiền 30.980.000 đồng; các giấy nợ do ông Lê Minh L ký tên. Việc ông L ký tên nhận tiền của Tăng Thị N (bà P) theo ông T trình bày, khi bà N mất thì ông T đã thanh toán số nợ 30.980.000 đồng cho bà N nhưng ông không có chứng cứ chứng minh và ông không yêu cầu Tòa án xem xét các khoản nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lê Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T, buộc ông Lê Minh L có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền vay gốc còn nợ là 69.000.000 đồng (*sáu mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Võ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Lê Minh L chậm thanh toán cho ông T số tiền nêu trên thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông Lê Minh L phải chịu án phí là 3.450.000 đồng.

Ông Võ Văn T được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền